

Hà Nội, ngày 20/08/2020

**BẢN TIN TUẦN**  
**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI CẤP**  
**NƯỚC CHO SẢN XUẤT VỤ MÙA NĂM 2020**

Lưu vực sông Bằng Giang- Kỳ Cùng  
Tuần từ: 21/08/2020 đến: 27/08/2020

**I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC**

**1. Lượng mưa**

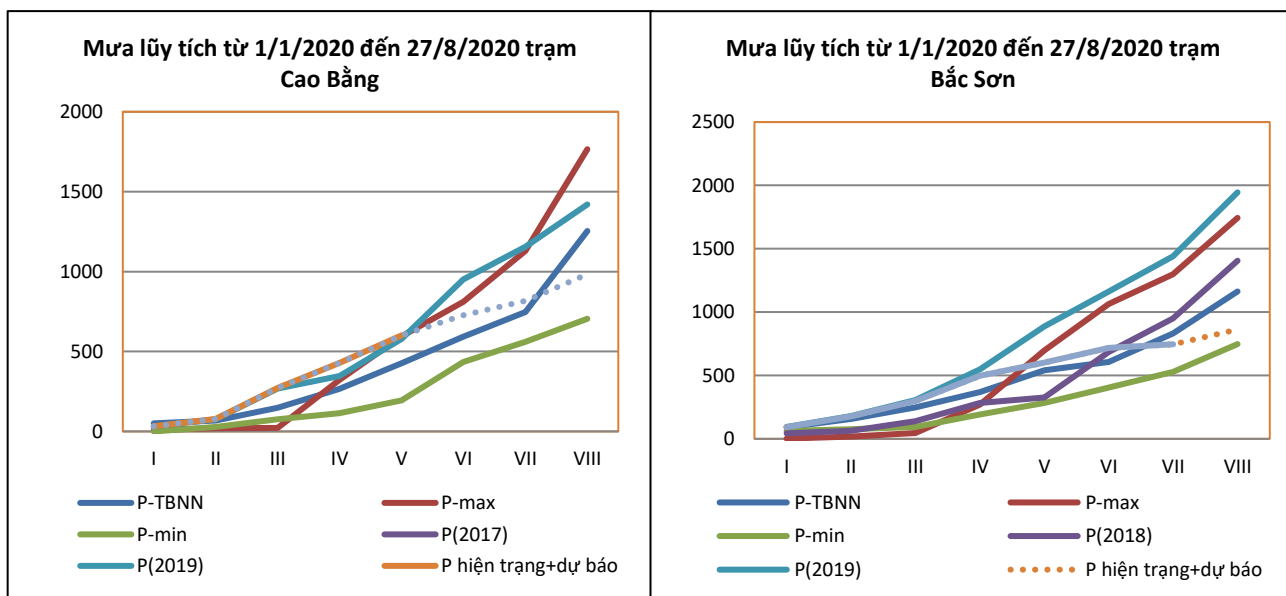
TT	Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo tình hình mưa tuần tới
				TBNN	Năm 2019	Năm 2018	
<b>A</b>	<b>Cao Bằng</b>			<b>1%</b>	<b>-20%</b>	<b>-5%</b>	
1	Cao Bằng	68	948	-12%	-32%	-20%	166
2	Nguyễn Bình	152	1330	8%	-7%	17%	178
3	Trùng Khánh	78	1316	7%	-21%	-13%	113
<b>B</b>	<b>Lạng Sơn</b>			<b>-4%</b>	<b>-6%</b>	<b>-23%</b>	
4	Bắc Sơn	39	940	-17%	-39%	-24%	116
5	Đình Lập	103	899	-13%	14%	0%	86
6	Hữu Lũng	106	1043	26%	30%	-57%	105
7	Lạng Sơn	71	846	-13%	-18%	-25%	137
8	Thất Khê	96	1056	-1%	-16%	-9%	127
	<b>Trung bình</b>						

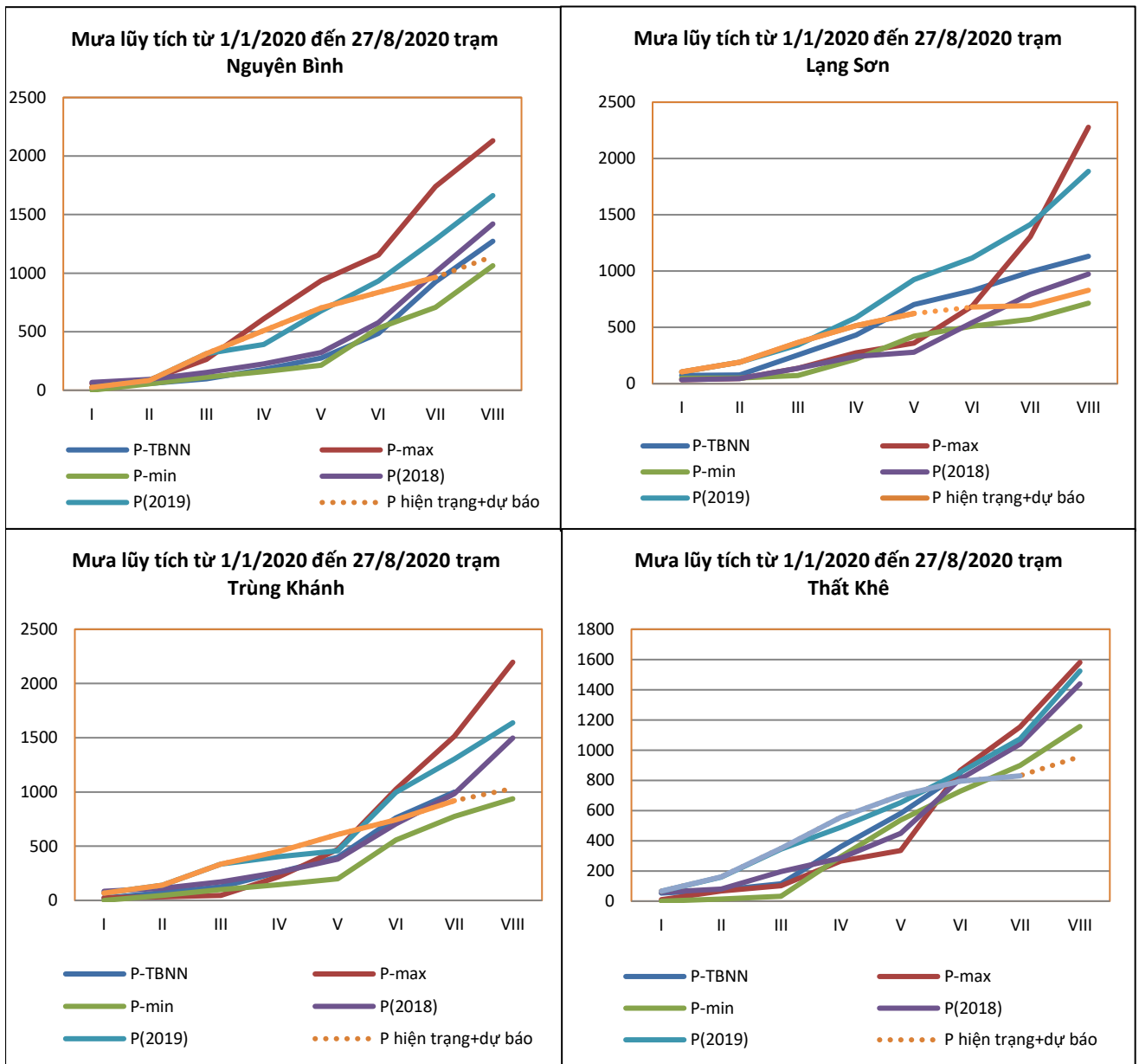
**Nhận xét:**

Theo số liệu mưa thực đo từ 1/1/2020 đến 7 giờ ngày 19/8/2020 cho thấy:

Lượng mưa lũy tích tại khu vực Lạng Sơn thấp hơn 6% so cùng kỳ năm 2019 và thấp hơn 4% với trung bình nhiều năm

- Lượng mưa lũy tích tại khu vực Cao Bằng thấp hơn 20% so với cùng kỳ năm 2019 và cao hơn 1% với trung bình nhiều năm





## 2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

Hiện trạng nguồn nước trừ các hồ chứa thủy lợi

TT	Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	W trừ hiện tại so với W <sub>tk</sub> (%)	Dự kiến W trừ cuối tuần (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Đánh giá
					TBNN	2019	2018	2017	
1	Khuổi lái	2,46	58,33	99,98		-41,66	-41,66	-41,66	Giảm
2	Nà Tấu	1,79	67,25	100,00		-32,75	-32,75	24,16	Giảm
3	Bán Nứa	0,81	22,47	59,93		-50,67	-38,89	-18,64	Giảm
4	Bán Viêt	3,08	10,96	40,26		-80,67	-89,04	-80,67	Giảm
5	Nà Cáy	4,31	100,00	100,00		0,00	0,00	27,99	Tăng
6	Tà Keo	12,88	29,52	49,20		-69,28	-70,48	-2,00	Giảm
7	Thâm Luông	0,97	50,35	82,63		-4,10	-19,74	-43,97	Giảm
8	Nà Tâm	1,91	31,28	38,76		-49,41	-13,01	7,49	Giảm
9	Nà Chèo	2,26	31,77	55,31		-10,63	-37,44	-33,11	Giảm
10	Phai Danh	2,13	57,03	69,89		-42,74	-15,32	-20,24	Giảm
11	Nà Pàn	0,82	16,04	49,29		-25,88	-25,88	-8,92	Giảm
12	Bán Chanh	2,02	97,10	100,00		-2,90	8,63	30,30	Giảm
13	Bán Chang	1,61	36,50	65,89		-48,71	-26,89		Giảm
	<b>Trung bình</b>	<b>37,04</b>	<b>46,81</b>	<b>70,09</b>		<b>-35,34</b>	<b>-30,96</b>	<b>-13,27</b>	

**Nhận xét:**

- Hiện tại, 6 hồ chứa tính toán trong lưu vực tích trên 50,35% so với dung tích thiết kế, còn 7 hồ tích dưới 50% so với dung tích thiết kế: hồ Bán Nưa 22,47%, Bán Viết 10,96%, Tà Keo 29,52%, Nà Tâm 31,28%, Nà Chèo 31,77%, Nà Pàn 16,04%, Bán Chàng 36,5% so với dung tích thiết kế.
- Tổng dung tích 13 hồ là: 37,04 triệu m<sup>3</sup>
- Lượng trữ của 13 hồ so với dung tích thiết kế chiếm: 46,81 %
- Dự báo xu thế nguồn nước tuần tới các hồ hầu hết đều giảm so với năm 2019, hồ Nà Cáy tăng so với năm 2019. Một số hồ hiện tại tích ít nước do đang bị rò rỉ nước.

**II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC****1. Nhu cầu nước**

Thông tin khái quát về nhu cầu nước, nguồn nước trong giai đoạn dự báo:

Tổng nhu cầu nước của 14 công trình là: 0,222 x 10<sup>6</sup>m<sup>3</sup>

Nguồn nước trữ hồ chứa ở nội tại có 6 hồ chứa tính toán trong lưu vực đều tích trên 50,35% so với dung tích thiết kế, trừ hồ Bán Nưa, Bán Viết, Tà Keo, Nà Tâm, Nà Chèo, Nà Pàn và Bán Chàng.

Hiện tại, nguồn nước đảm bảo lấy nước tuần tới Vụ Mùa.

**Nhu cầu nước của các hồ chứa thủy lợi**Đơn vị: 10<sup>6</sup> m<sup>3</sup>

TT	Tên công trình	21/8/2020	22/08/2020	23/08/2020	24/08/2020	25/08/2020	26/08/2020	27/08/2020	Tổng
1	Khuổi Lái	0,00	0,00	0,00	0,00	0,01	0,01	0,00	0,021
2	Nà Tầu	0,00	0,00	0,00	0,00	0,01	0,01	0,00	0,021
3	Bán Nưa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,000
4	Bán Viết	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,000
5	Nà Cáy	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,009
6	Tà Keo	0,00	0,00	0,00	0,03	0,03	0,03	0,00	0,075
7	Thâm Luông	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,000
8	Nà Tâm	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,011
9	Nà Chèo	0,00	0,00	0,00	0,01	0,01	0,01	0,00	0,024
10	Phai Danh	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,000
11	Nà Pàn	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,014
12	Bán Chành	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,013
13	Bán Chàng	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,008
14	HTTL Hồng Đại	0,00	0,00	0,00	0,00	0,01	0,01	0,00	0,026
	<b>Tổng</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,05</b>	<b>0,09</b>	<b>0,09</b>	<b>0,00</b>	<b>0,222</b>

Thông tin bảng biểu kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình như sau:

**2. Khả năng cấp nước của các công trình**

TT	Tên công trình	Dung tích trữ hiện tại so với thiết kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Mùa 2020			Ghi chú
				Dung tích cuối tuần so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
1	Khuổi lái	58,33	221	99,98	100,0	221	Đủ nước
2	Nà Tầu	67,25	220	100,00	100,0	220	Đủ nước
3	Bán Nưa	22,47	114	59,93	100,0	114	Đủ nước
4	Bán Viết	10,96	203	40,26	100,0	203	Đủ nước
5	Nà Cáy	100,00	67	100,00	100,0	67	Đủ nước
6	Tà Keo	29,52	533	49,20	100,0	533	Đủ nước
7	Thâm Luông	50,35	127	82,63	100,0	127	Đủ nước
8	Nà Tâm	31,28	94	38,76	100,0	94	Đủ nước
9	Nà Chèo	31,77	172	55,31	100,0	172	Đủ nước
10	Phai Danh	57,03	102	69,89	100,0	102	Đủ nước
11	Nà Pàn	16,04	97	49,29	100,0	97	Đủ nước
12	Bán Chành	97,10	101	100,00	100,0	101	Đủ nước
13	Bán Chàng	36,50	120	65,89	100,0	120	Đủ nước
14	HTTL Hồng Đại		280		100,0	280	Đủ nước

**Nhận xét:**

- Các công trình hồ chứa đều đảm bảo đủ nước cho tưới

**3. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi**

TT	Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
				Năm Min	TBNN	Năm Max	
<b>A</b>	<b>Cao Bằng</b>			<b>85%</b>	<b>8%</b>	<b>-30%</b>	
1		Cao Bằng	1114	68%	0%	-32%	
2		Nguyên Bình	1508	85%	15%	-27%	
3		Trùng Khánh	1429	101%	9%	-32%	
<b>B</b>	<b>Lạng Sơn</b>			<b>88%</b>	<b>-3%</b>	<b>-45%</b>	
4		Bắc Sơn	1057	131%	-11%	-40%	
5		Đình Lập	986	41%	-13%	-51%	
6		Hữu Lũng	1148	91%	13%	-35%	
7		Lạng Sơn	984	103%	-4%	-66%	
8		Thất Khê	1184	74%	3%	-32%	

**Nhận xét và khuyến cáo:**

Dự báo lượng mưa trên toàn vùng Cao Bằng, Lạng Sơn từ tháng 19/8 đến 27/8/2020 đạt 300% so với tổng

- lượng mưa cùng kỳ trung bình nhiều năm.
- Tổng lượng mưa lũy tích trên toàn vùng đạt 105% so với tổng lượng mưa trung bình nhiều năm

**4. Tổng hợp thông tin hạn hán (nếu có)**

TT	Huyện	Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
		Tổng cộng	Lúa Mùa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
1	TP. Cao Bằng	1.122	891	231					
2	H. Thông Nông	2.561	1.371	1.190					
3	H. Hà Quảng	2.228	1.138	1.090					
4	H. Trà Lĩnh	2.320	1.650	670					
5	H. Trùng Khánh	5.488	4.367	1.121					
6	H. Hạ Lang	2.138	1.570	568					
7	H. Quảng Uyên	3.475	2.055	1.420					
8	H. Phục Hòa	1.226	872	354					
9	H. Hòa An	4.285	3.600	685					
10	H. Thạch An	2.165	1.650	515					
11	H. Nguyên Bình (16/20)	2.242	1.876	366					
12	TP. Lạng Sơn	339	264	75					
13	H. Tràng Định	3.475	2.690	785					
14	H. Văn Lãng	2.113	1.962	151					
15	H. Bình Gia	2.456	2.112	344					
16	H. Bắc Sơn (4/20)	632	495	137					
17	H. Văn Quan	2.625	2.365	260					
18	H. Cao Lộc	2.515	2.138	377					
19	H. Lộc Bình (26/29)	3.739	3.428	311					
20	H. Chi Lăng (4/21)	688	578	110					
21	H. Đình Lập (5/12)	443	342	101					
22	H. Na Rì	1.351	1.277	74					
23	H. Chợ Mới (2/16)	156	134	21					
24	H. Ngân Sơn (3/11)	401	371	30					
	<b>Cộng</b>	<b>50.183</b>	<b>39.196</b>	<b>10.986</b>					

**III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày:

28/08/2020

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI